

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**DANH SÁCH ĐIỂM THI**

**BÀI THI 3 (A-V+VI): NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CNXHKKH, NHẬN THỨC VỀ CNXH  
VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CNXH Ở VIỆT NAM  
LỚP TCLLCT HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 12, TẠI THÀNH PHỐ PHỖ YÊN**

| STT | Họ và tên             | Số BD | Điểm<br>thi | Bằng chữ | Ghi chú  |
|-----|-----------------------|-------|-------------|----------|----------|
| 01  | Ngô Thị Quế Anh       | 01    | 7,0         | Bảy      |          |
| 02  | Nguyễn Thị Phương Bắc | 02    | 7,0         | Bảy      |          |
| 03  | Tạ Thị Dung           | 03    | -           | -        | Vắng thi |
| 04  | Tạ Thị Thu Hà         | 04    | 8,0         | Tám      |          |
| 05  | Trịnh Thị Thu Hà      | 05    | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 06  | Đào Thanh Hà          | 06    | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 07  | Phạm Thị Thu Hà       | 07    | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 08  | Nguyễn Thị Hải        | 08    | 7,0         | Bảy      |          |
| 09  | Đoàn Thị Thanh Hải    | 09    | 8,0         | Tám      |          |
| 10  | Nguyễn Hữu Hân        | 10    | 7,0         | Bảy      |          |
| 11  | Triệu Thị Thúy Hằng   | 11    | 8,0         | Tám      |          |
| 12  | Ngô Thị Hậu           | 12    | 7,0         | Bảy      |          |
| 13  | Nguyễn Thị Hải Hậu    | 13    | 7,0         | Bảy      |          |
| 14  | Hà Thị Hiền           | 14    | 7,0         | Bảy      |          |
| 15  | Nguyễn Thuý Hiền      | 15    | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 16  | Nguyễn Thị Minh Hoa   | 16    | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 17  | Nguyễn Thị Hoài       | 17    | 7,0         | Bảy      |          |
| 18  | Trần Thị Thu Hoài     | 18    | 7,0         | Bảy      |          |
| 19  | Hoàng Quốc Hoàn       | 19    | 7,0         | Bảy      |          |
| 20  | Lăng Thị Hồng         | 20    | 7,0         | Bảy      |          |
| 21  | Đào Thị Huệ           | 21    | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 22  | Đỗ Huy Hùng           | 22    | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 23  | Tạ Thị Hưng           | 23    | 7,5         | Bảy rưỡi |          |
| 24  | Trần Thị Thu Hương    | 24    | 7,0         | Bảy      |          |
| 25  | Nguyễn Thị Hường      | 25    | 7,5         | Bảy rưỡi |          |



| STT | Họ và tên              | Số BD | Điểm thi | Bằng chữ | Ghi chú  |
|-----|------------------------|-------|----------|----------|----------|
| 26  | Lương Thị Huyền        | 26    | 7,0      | Bảy      |          |
| 27  | Đặng Thị Thanh Huyền   | 27    | 7,0      | Bảy      |          |
| 28  | Nguyễn Văn Kiên        | 28    | 7,0      | Bảy      |          |
| 29  | Trần Thị Lan           | 29    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 30  | Ma Thị Lan             | 30    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 31  | Bùi Thị Liên           | 31    | 8,0      | Tám      |          |
| 32  | Nguyễn Hồng Liên       | 32    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 33  | Đặng Thùy Linh         | 33    | -        | -        | Vắng thi |
| 34  | Lã Văn Linh            | 34    | 7,0      | Bảy      |          |
| 35  | Trần Thị Loan          | 35    | 7,0      | Bảy      |          |
| 36  | Vũ Thị Loan            | 36    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 37  | Lê Thị Lương           | 37    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 38  | Trần Văn Mến           | 38    | 7,0      | Bảy      |          |
| 39  | Nguyễn Thị Năm         | 39    | 7,0      | Bảy      |          |
| 40  | Ngô Thị Nga            | 40    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 41  | Trần Thị Thanh Nhân    | 41    | 8,0      | Tám      |          |
| 42  | Nguyễn Thị Hồng Nhung  | 42    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 43  | Trần Thị Thu Nhung     | 43    | 7,0      | Bảy      |          |
| 44  | Hoàng Như Ninh         | 44    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 45  | Hà Văn Phụng           | 45    | 8,0      | Tám      |          |
| 46  | Nguyễn Thị Phương      | 46    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 47  | Nguyễn Thị Minh Phượng | 47    | 7,0      | Bảy      |          |
| 48  | Hà Đức Phượng          | 48    | 7,0      | Bảy      |          |
| 49  | Nguyễn Hoàng Quân      | 49    | 7,0      | Bảy      |          |
| 50  | Phạm Quang Quý         | 50    | 8,0      | Tám      |          |
| 51  | Nguyễn Thị Quyên       | 51    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 52  | Bùi Thị San            | 52    | 7,0      | Bảy      |          |
| 53  | Nguyễn Hữu Sơn         | 53    | 8,0      | Tám      |          |
| 54  | Trần Thị Sự            | 54    | 8,0      | Tám      |          |
| 55  | Đỗ Thị Thắm            | 55    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 56  | Đỗ Kim Thanh           | 56    | 7,0      | Bảy      |          |
| 57  | Trần Phương Thanh      | 57    | 7,5      | Bảy rưỡi |          |
| 58  | Đinh Nhật Thành        | 58    | -        | -        | Vắng thi |
| 59  | Nguyễn Đình Thành      | 59    | 7,0      | Bảy      |          |

SẢN  
ÔNG  
H TR  
NGU

*Handwritten signature*

| STT | Họ và tên             | Số BD | Điểm thi | Bằng chữ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------|----------|----------|---------|
| 60  | Hà Văn Thọ            | 60    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 61  | Nguyễn Thị Thơm       | 61    | 7,0      | Bảy      |         |
| 62  | Nguyễn Thị Thu (1991) | 62    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 63  | Nguyễn Thị Thu (1983) | 63    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 64  | Vũ Thị Thanh Thu      | 64    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 65  | Đồng Thị Thủy         | 65    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 66  | Hoàng Thị Thúy        | 66    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 67  | Phạm Thị Kim Thúy     | 67    | 7,0      | Bảy      |         |
| 68  | Ngô Thị Thanh Thủy    | 68    | 8,0      | Tám      |         |
| 69  | Phạm Thị Thủy         | 69    | 8,0      | Tám      |         |
| 70  | Đỗ Thị Trang          | 70    | 7,0      | Bảy      |         |
| 71  | Phạm Thị Minh Trang   | 71    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 72  | Nguyễn Thị Trang      | 72    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 73  | Ngô Xuân Tú           | 73    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 74  | Dương Thị Tuyền       | 74    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 75  | Vũ Thị Ánh Tuyết      | 75    | 7,5      | Bảy rưỡi |         |
| 76  | Trần Thị Vân          | 76    | 7,0      | Bảy      |         |
| 77  | Nguyễn Hải Yến        | 77    | 8,0      | Tám      |         |
| 78  | Hoàng Thị Yên         | 78    | 8,0      | Tám      |         |

**KHOA LLCS**  
**PHÓ PHỤ TRÁCH KHOA**



**Nguyễn Văn Tuấn**

**T/L HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH**



**Nguyễn Thị Hồng Mây**